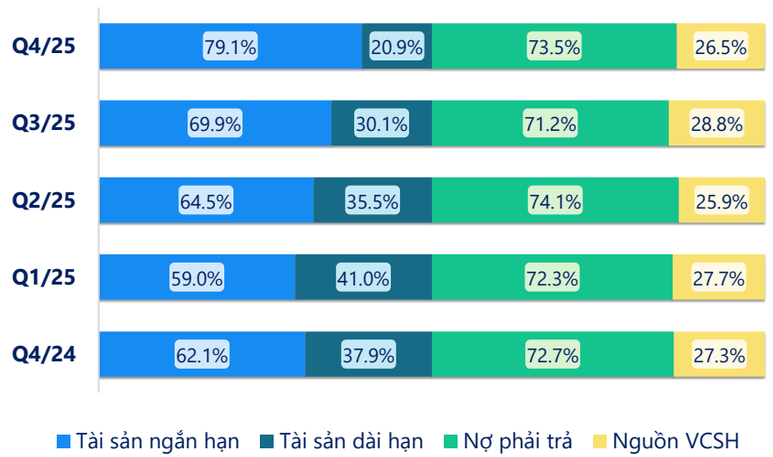
FireAnt

Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (UPCOM: CC1)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	31,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,979
SL cổ phiếu LH	397,906,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,215
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,335
P/E	52.8
EPS	587

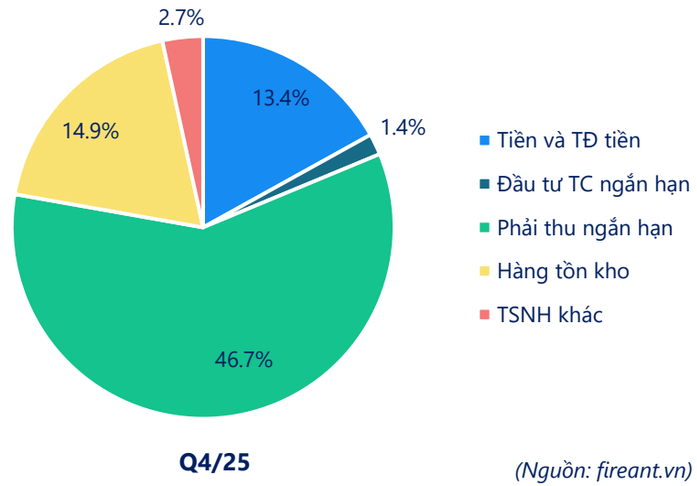
	YTD	1T	3T	6T
CC1	115.0%	3.7%	0.0%	3.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



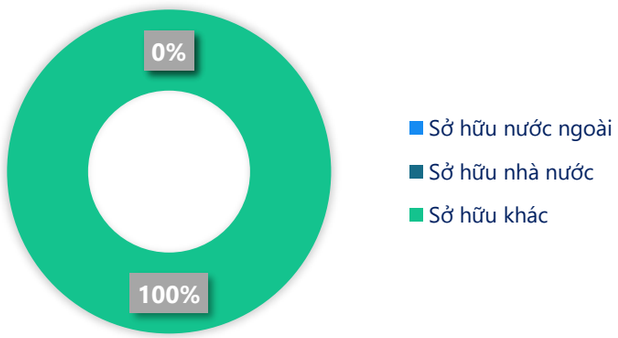
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



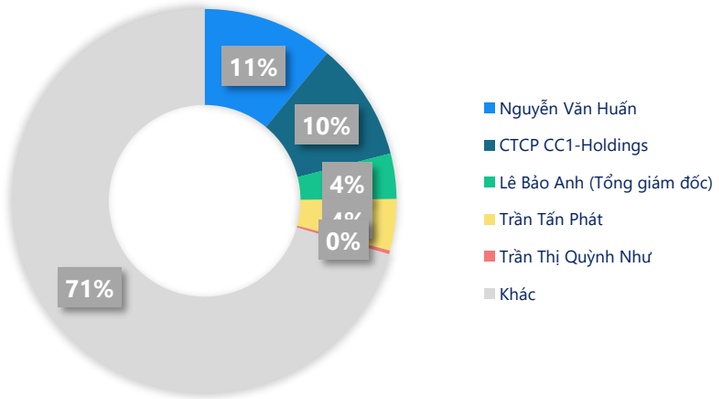
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



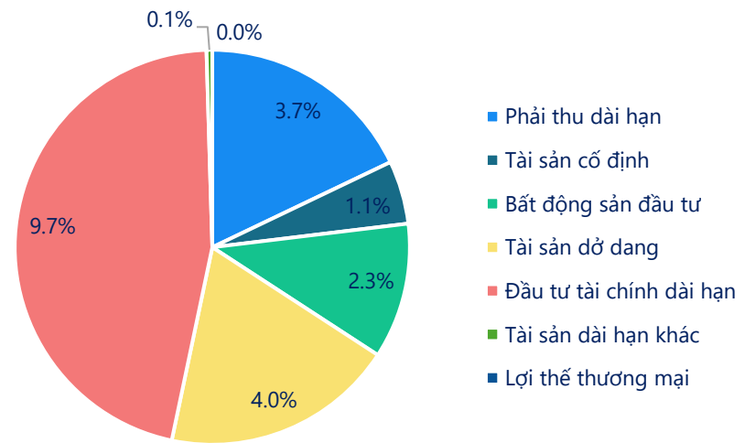
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

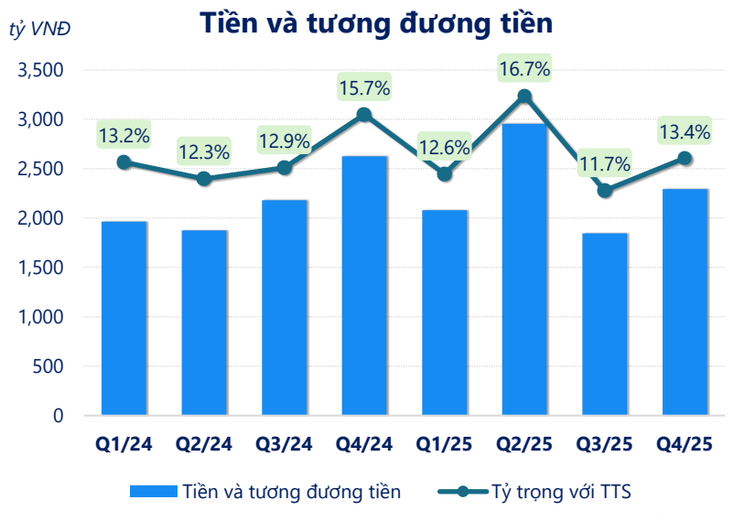


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

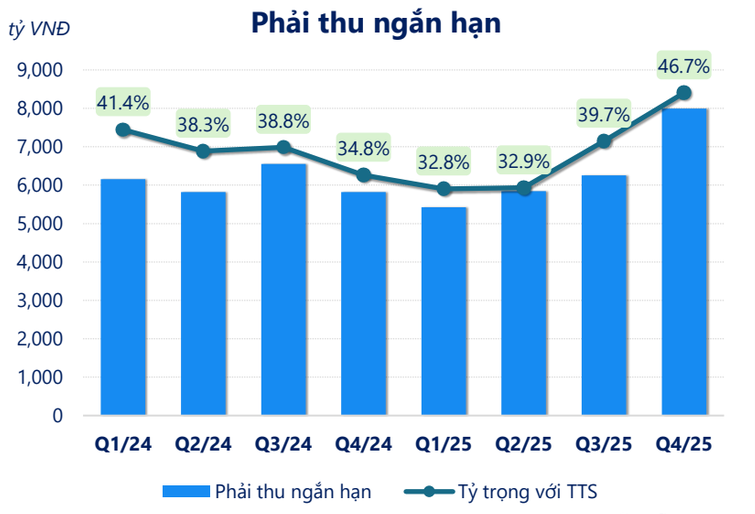
Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (UPCOM: CC1)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



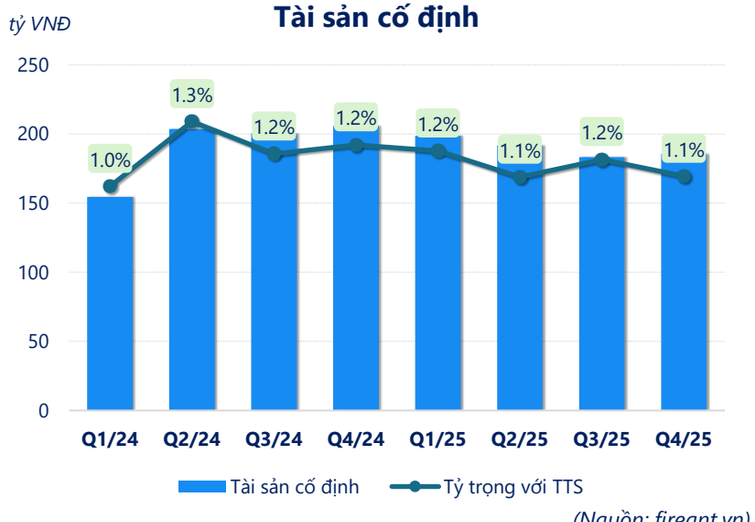
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



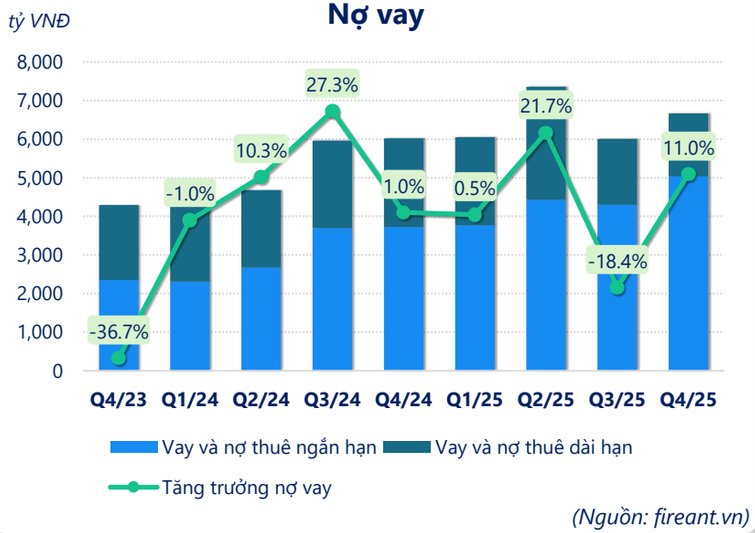
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



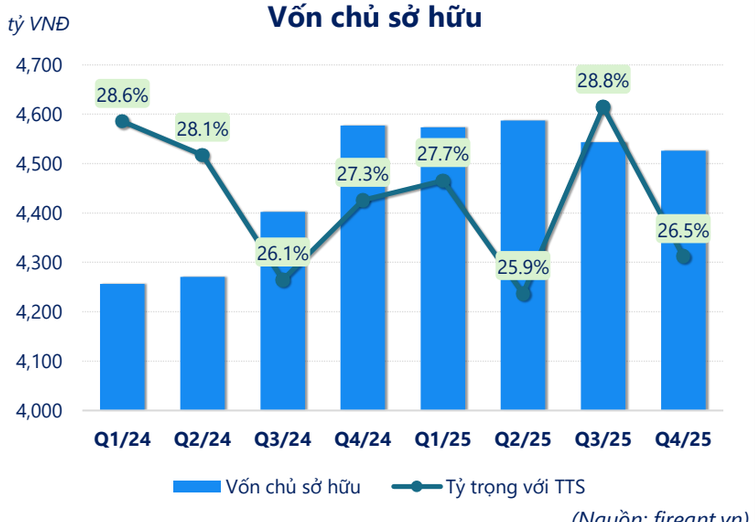
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

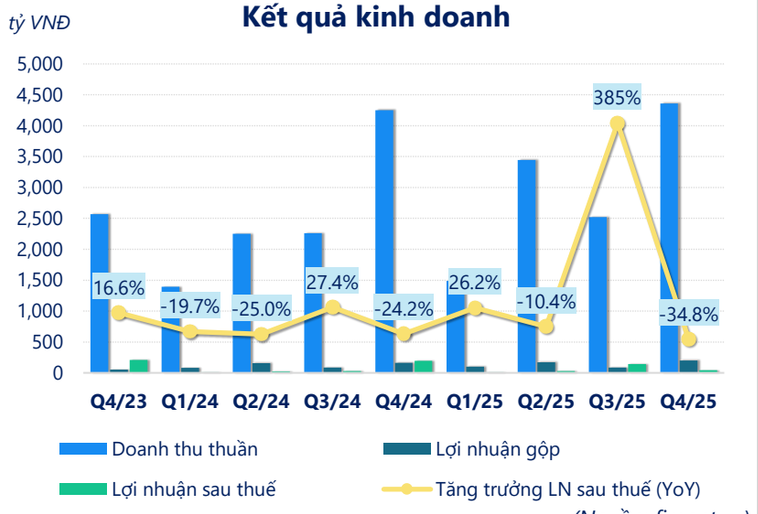


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

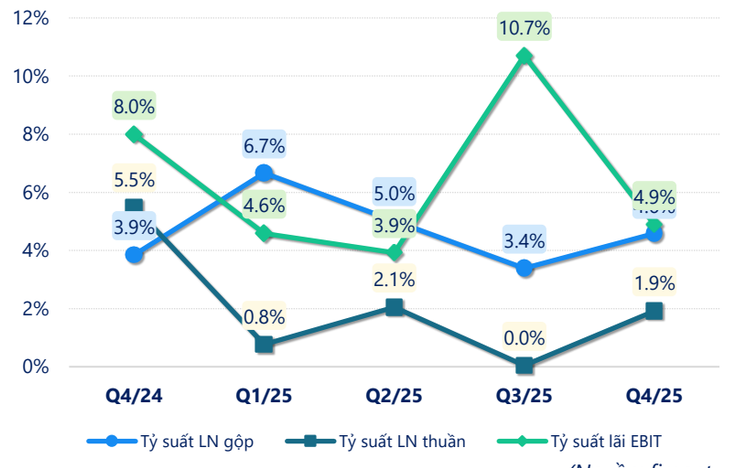
Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (UPCOM: CC1)

Kết quả kinh doanh



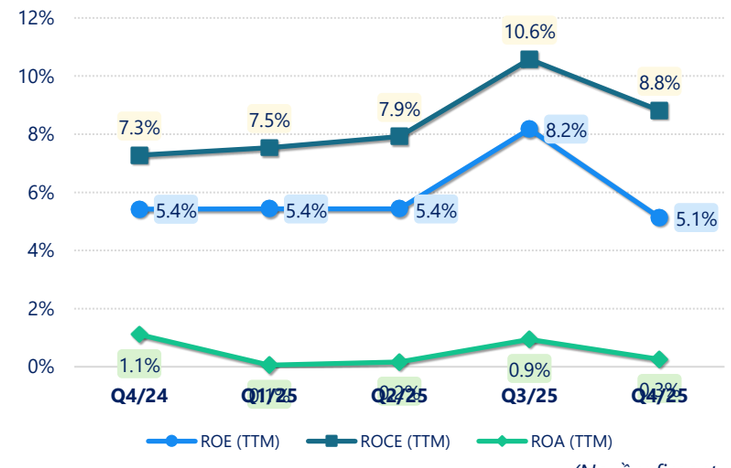
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



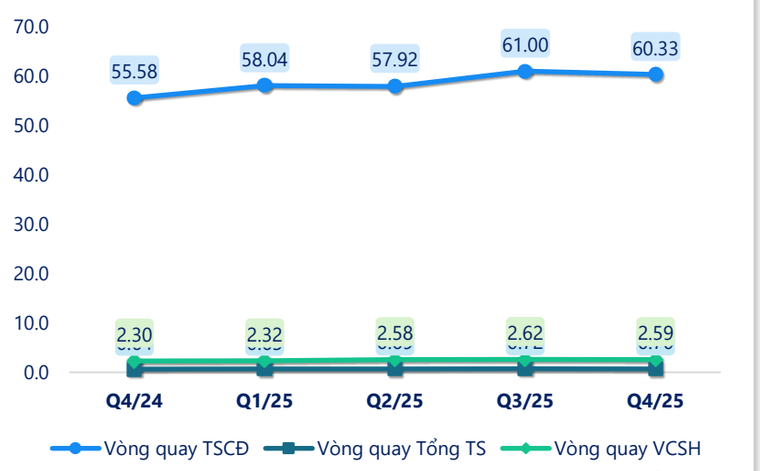
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



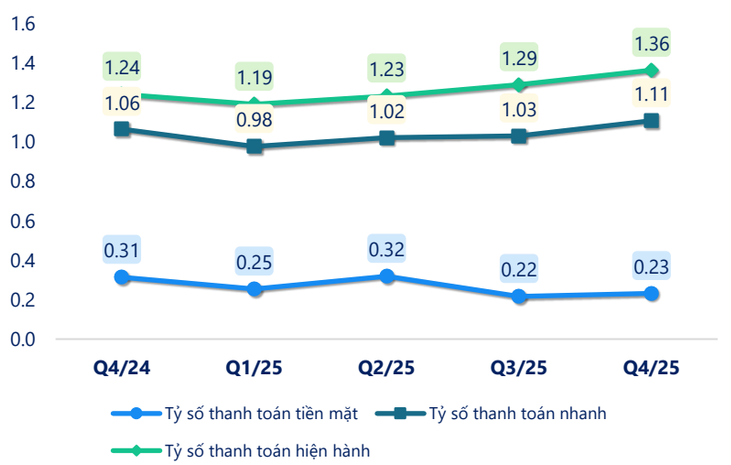
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



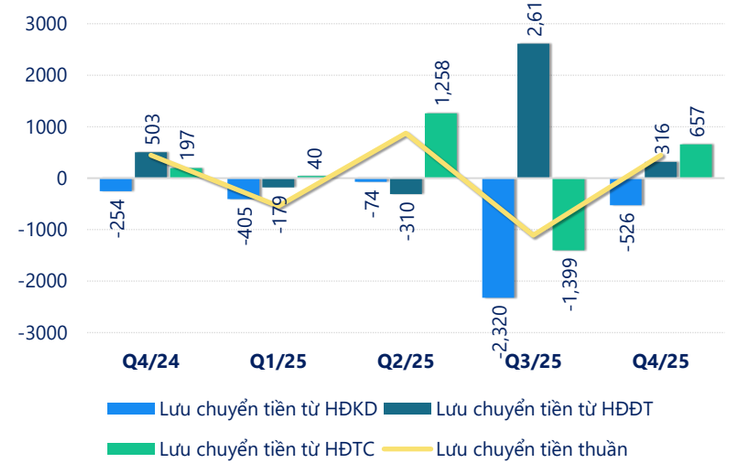
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (UPCOM: CC1)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**17,112**	**16,728**	**2.3%**
Tài sản ngắn hạn	13,530	10,382	30.3%
Tiền và tương đương tiền	2,293	2,625	-12.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	241	91.1	165%
Phải thu ngắn hạn	7,990	5,800	37.8%
Hàng tồn kho	2,543	1,495	70.1%
Tài sản ngắn hạn khác	463	372	24.4%
Tài sản dài hạn	**3,581**	**6,346**	**-43.6%**
Phải thu dài hạn	641	2,041	-68.6%
Tài sản cố định	186	206	-9.9%
Bất động sản đầu tư	398	431	-7.8%
Tài sản dở dang	684	2,853	-76.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,656	754	119%
Tài sản dài hạn khác	**16.9**	**59.8**	**-71.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	12,586	12,164	3.5%
Nợ ngắn hạn	**9,918**	**8,370**	**18.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,034	3,722	35.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,708	1,712	-0.2%
Nợ dài hạn	2,668	3,793	-29.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,627	2,298	-29.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,526**	**4,564**	**-0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**4,526**	**4,564**	**-0.8%**
Vốn điều lệ	3,979	3,585	11.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	4,253	1,488	3,443	2,519	4,360
Giá vốn hàng bán	4,089	1,389	3,271	2,434	4,160
Lợi nhuận gộp	164	99.2	173	85.4	200
Doanh thu HĐTC	223	21.1	86.7	99.0	100
Chi phí TC	100.0	59.6	139	91.1	150
Chi phí lãi vay	94.3	56.2	100	87.0	137
LN trong công ty LKLD	0.12	0.65	1.65	9.87	3.84
Chi phí bán hàng	2.72	3.51	0.66	0	0.03
Chi phí QLDN	50.2	46.4	51.2	102	70.7
LN thuần từ HĐKD	234	11.4	70.7	1.17	83.8
Lợi nhuận khác	11.6	0.72	-35.7	182	-7.66
LN trước thuế	245	12.1	34.9	183	76.1
Lợi nhuận sau thuế	195	9.28	28.2	145	44.8
LNST của CĐ cty mẹ	176	8.82	27.0	154	43.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-254	-405	-74.1	-2,320	-526
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	503	-179	-310	2,611	316
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	197	40.1	1,258	-1,399	657
Tiền đầu kỳ	2,180	2,625	2,081	2,955	1,846
Lưu chuyển tiền thuần	**445**	**-544**	**874**	**-1,108**	**447**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	0.00	0.19	0.13	0.15
Tiền cuối kỳ	2,625	2,081	2,955	1,846	2,293

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic